

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-30
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13-30



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hồ Hưng	Chủ tịch	
Ông Trần Thiên Hà	Phó Chủ tịch	
Bà Phùng Thị Minh Phúc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/12/2014
Ông Nguyễn Anh Dũng	Ủy viên	
Ông Đinh Quốc Thắng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Thiên Hà	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Mai Hòa	Trưởng ban
Bà Hoàng Thị Ánh Ngọc	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Tâm	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

Số: 303/2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát được lập ngày 20 tháng 01 năm 2015, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Lê Đức Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1628-2013-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 03 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		129.543.627.094	143.354.201.443
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	41.742.254.322	68.820.042.237
111	1. Tiền		2.142.254.322	320.042.237
112	2. Các khoản tương đương tiền		39.600.000.000	68.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	26.358.683.900	12.454.739.173
121	1. Đầu tư ngắn hạn		27.050.572.000	27.203.379.373
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(691.888.100)	(14.748.640.200)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	60.026.866.091	60.801.125.394
131	1. Phải thu của khách hàng		-	100.000.000
132	2. Trả trước cho người bán		12.000.000.000	17.000.000.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		50.137.763.087	44.101.125.394
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.110.896.996)	(400.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.415.822.781	1.278.294.639
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		37.310.000	-
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	7	1.251.270.075	1.251.270.075
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	127.242.706	27.024.564
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.800.516.455	6.227.011.089
220	II. Tài sản cố định		2.965.109.464	3.088.732.031
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.264.315.627	2.034.645.353
222	- Nguyên giá		6.052.768.446	5.052.768.446
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.788.452.819)	(3.018.123.093)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	700.793.837	1.054.086.678
228	- Nguyên giá		3.596.296.230	3.536.296.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.895.502.393)	(2.482.209.552)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	11	1.014.343.356	1.350.000.000
258	4. Đầu tư dài hạn khác		1.350.000.000	1.350.000.000
259	5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(335.656.644)	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.821.063.635	1.788.279.058
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		43.384.418	103.473.794
263	3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	12	1.740.369.217	1.645.881.606
268	4. Tài sản dài hạn khác		37.310.000	38.923.658
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		135.344.143.549	149.581.212.532

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		23.337.531.734	45.487.479.734
310	I. Nợ ngắn hạn		23.337.531.734	45.487.479.734
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	5.798.605.752
312	2. Phải trả người bán		1.000.000.000	-
313	3. Người mua trả tiền trước		500.000.000	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	963.085.728	451.889.744
315	5. Phải trả người lao động		251.700.000	289.901.000
319	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	14	20.622.746.006	38.947.083.238
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		112.006.611.815	104.093.732.798
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	112.006.611.815	104.093.732.798
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.289.000.000	135.289.000.000
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		306.000.000	306.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		445.000.000	445.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(24.033.388.185)	(31.946.267.202)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		135.344.143.549	149.581.212.532

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
006	6. Chứng khoán lưu ký		191.686.170.000	243.797.380.000
007	6.1. Chứng khoán giao dịch		187.476.630.000	241.222.620.000
008	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		75.000.000	1.258.620.000
009	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		185.832.630.000	238.395.000.000
010	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		1.569.000.000	1.569.000.000
027	6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		4.208.800.000	2.408.300.000
029	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước		4.208.800.000	2.408.300.000
037	6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		740.000	166.460.000
039	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước		740.000	166.460.000
050	7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		670.420.000	762.780.000
051	7.1. Chứng khoán giao dịch		670.420.000	762.780.000
053	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		670.420.000	762.780.000
083	9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		10.410.000.000	10.410.000.000



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu	16	6.474.767.605	11.992.507.446
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.582.854.731	829.863.245
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		62.219.527	3.475.173.870
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		-	116.000.000
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn		861.000.000	1.696.229.000
01.9	Doanh thu khác		3.968.693.347	5.875.241.331
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	16	-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	16	6.474.767.605	11.992.507.446
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	17	(8.627.057.760)	4.432.303.608
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		15.101.825.365	7.560.203.838
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	7.188.946.348	2.773.358.666
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.912.879.017	4.786.845.172
31	8. Thu nhập khác		-	458.545.455
32	9. Chi phí khác		-	465.381.243
40	10. Lợi nhuận khác		-	(6.835.788)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.912.879.017	4.780.009.384
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	19	-	-
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>7.912.879.017</u>	<u>4.780.009.384</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20	585	353


Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		7.912.879.017	4.780.009.384
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định		1.183.622.567	1.420.771.731
03	- Các khoản dự phòng		(12.010.198.460)	(9.473.468.416)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.915.242.840)	(5.085.475.210)
06	- Chi phí lãi vay		81.708.859	1.386.636.977
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(7.747.230.857)	(6.971.525.534)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.131.343.446)	(14.072.567.728)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho, chứng khoán đầu tư		152.807.373	13.665.622.889
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		2.002.323.364	340.648.571
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		22.779.376	507.967.933
13	- Tiền lãi vay đã trả		(81.708.859)	(1.386.636.977)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.552.524.006	100.198.453.301
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(22.935.601.660)	(61.500.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(26.165.450.703)	30.781.962.455
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(60.000.000)	(348.125.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	458.545.455
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	25.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(675.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	340.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.946.268.540	5.092.310.998
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		4.886.268.540	29.867.731.453
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		600.000.000	38.422.713.867
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(6.398.605.752)	(32.624.108.115)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(5.798.605.752)	5.798.605.752

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(27.077.787.915)	66.448.299.660
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		68.820.042.237	2.371.742.577
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<u>41.742.254.322</u>	<u>68.820.042.237</u>



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2014

Năm 2014	Thuyết minh	01/01/2014	Tăng trong năm	Giảm trong	31/12/2014
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	306.000.000	-	-	306.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	445.000.000	-	-	445.000.000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(31.946.267.202)	7.912.879.017	-	(24.033.388.185)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	104.093.732.798	7.912.879.017	-	112.006.611.815

Năm 2013	Thuyết minh	01/01/2013	Tăng trong năm	Giảm trong	31/12/2013
		VND	VND	VND	VND
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	-	-	135.289.000.000
7.	Quỹ đầu tư phát triển	306.000.000	-	-	306.000.000
8.	Quỹ dự phòng tài chính	445.000.000	-	-	445.000.000
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(36.726.276.586)	4.780.009.384	-	(31.946.267.202)
CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	99.313.723.414	4.780.009.384	-	104.093.732.798


Nguyễn Thanh Nghị
Người lập

Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởngTrần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 63/UBCK-GP ngày 15/11/2007 và giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 06/GPĐC-UBCK ngày 10/01/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 5, Tòa nhà Grand Building, Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.289.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 135.289.000.000 đồng; tương đương 13.528.900 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 05 tháng 04 năm 2010 với mã giao dịch là APG.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Phần mềm quản lý	5 năm

2.7 . Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm tài chính được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 . Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

2.15 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm
		VND
Của Công ty Chứng khoán	523.118	3.973.821.200
- Cổ phiếu	523.118	3.973.821.200
Của người đầu tư	73.807.191	668.693.410.900
- Cổ phiếu	73.807.191	668.693.410.900
	74.330.309	672.667.232.100

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	8.499.173	2.117.000
Tiền gửi ngân hàng	779.651.635	54.711.166
Tiền gửi về giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	1.354.103.514	263.214.071
Các khoản tương đương tiền	39.600.000.000	68.500.000.000
	41.742.254.322	68.820.042.237

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng giá trị 39.600.000.000 VND được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 4,6 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số lượng		Giá trị theo số kế toán		Tổng số với giá trị trước		Giảm so với giá trị trước		Tổng giá trị theo giá trị trước	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Chứng khoán thương mại			27.050.572.000	27.203.379.373	26.228.000	32.169.627	(691.888.100)	(14.748.640.200)	26.384.911.900	12.486.908.800
Chứng khoán niêm yết			68.272.000	221.079.373	26.228.000	32.169.627	-	(2.998.000)	94.500.000	250.251.000
- GIC	-	7.600	-	1.277.792	-	13.162.208	-	-	-	14.440.000
- VCS	-	138	-	1.855.581	-	7.419	-	-	-	1.863.000
- VND	7.500	15.000	68.272.000	137.000.000	26.228.000	19.000.000	-	-	94.500.000	156.000.000
- ICF	-	14.990	-	80.946.000	-	-	-	(2.998.000)	-	77.948.000
Chứng khoán Upcom										
- NOS	88.034	88.034	788.725.500	788.725.500	-	-	(691.888.100)	(639.067.700)	96.837.400	149.657.800
Chứng khoán chưa niêm yết (*)										
- Công ty CP Bảo hiểm Nhà Rồng	13.000	13.000	788.725.500	788.725.500	-	-	(691.888.100)	(639.067.700)	96.837.400	149.657.800
- Công ty CP Chứng khoán Đại Việt	20.000	20.000	788.725.500	788.725.500	-	-	(691.888.100)	(639.067.700)	96.837.400	149.657.800
- Công ty Tài chính CP Sông Đà	3.000	3.000	26.193.574.500	26.193.574.500	-	-	-	(14.106.574.500)	26.193.574.500	12.087.000.000
- Công ty CP Bất động sản Dầu khí	5.000	5.000	145.000.000	145.000.000	-	-	-	(15.000.000)	145.000.000	130.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí	1.000.000	1.000.000	320.000.000	320.000.000	-	-	-	(260.000.000)	320.000.000	60.000.000
			123.574.500	123.574.500	-	-	-	(96.574.500)	123.574.500	27.000.000
			105.000.000	105.000.000	-	-	-	(55.000.000)	105.000.000	50.000.000
			25.500.000.000	25.500.000.000	-	-	-	(13.680.000.000)	25.500.000.000	11.820.000.000
			27.050.572.000	27.203.379.373	26.228.000	32.169.627	(691.888.100)	(14.748.640.200)	26.384.911.900	12.486.908.800

(*) Đối với các chứng khoán chưa niêm yết, tại thời điểm cuối năm Công ty không thu thập được giá chứng khoán thực tế trên thị trường nên Công ty không trích lập dự phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HẠN

	01/01/2014		Số phát sinh trong năm		31/12/2014		Tổng số dự phòng đã lập VND
	Tổng số VND	Số quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng số VND	Số quá hạn VND	
Phải thu của khách hàng	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-
- Phải thu dịch vụ tư vấn	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán	17.000.000.000	-	44.800.000.000	49.800.000.000	12.000.000.000	-	-
- Trả trước tiền mua hàng hóa, dịch vụ	17.000.000.000	-	44.800.000.000	49.800.000.000	12.000.000.000	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	44.101.125.394	-	671.168.546.203	665.131.908.510	50.137.763.087	-	(2.110.896.996)
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	17.909.777	-	1.205.510.095	1.212.686.336	10.733.536	-	-
- Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán	22.648.629	-	235.045.395.931	231.745.540.436	3.322.504.124	-	-
- Phải thu hợp đồng hợp tác kinh doanh	35.899.425.400	-	-	1.194.425.400	34.705.000.000	-	(2.110.896.996)
- Phải thu hợp đồng margin	7.650.297.479	-	373.571.200.000	369.121.972.052	12.099.525.427	-	-
- Phải thu khác	510.844.109	-	61.346.440.177	61.857.284.286	-	-	-
	61.201.125.394	100.000.000	715.968.546.203	715.031.908.510	62.137.763.087	-	(2.110.896.996)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Tình hình trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi			
	Năm 2014		Năm 2013
	VND		VND
Tại ngày 01/01	400.000.000		2.377.298.254
Trích lập/hoàn nhập	1.710.896.996		(1.977.298.254)
Tại ngày 31/12	2.110.896.996		400.000.000
7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC			
	31/12/2014		01/01/2014
	VND		VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.251.270.075		1.251.270.075
	1.251.270.075		1.251.270.075
8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC			
	31/12/2014		01/01/2014
	VND		VND
Tạm ứng	122.042.706		21.824.564
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	5.200.000		5.200.000
	127.242.706		27.024.564
9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2014	5.052.768.446	-	5.052.768.446
Mua sắm	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tại ngày 31/12/2014	5.052.768.446	1.000.000.000	6.052.768.446
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2014	3.018.123.093	-	3.018.123.093
Trích khấu hao	720.329.726	50.000.000	770.329.726
Tại ngày 31/12/2014	3.738.452.819	50.000.000	3.788.452.819
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2014	2.034.645.353	-	2.034.645.353
Tại ngày 31/12/2014	1.314.315.627	950.000.000	2.264.315.627

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	3.536.296.230	3.536.296.230
Mua sắm	60.000.000	60.000.000
Tại ngày 31/12/2014	3.596.296.230	3.596.296.230
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	2.482.209.552	2.482.209.552
Trích khấu hao	413.292.841	413.292.841
Tại ngày 31/12/2014	2.895.502.393	2.895.502.393
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	1.054.086.678	1.054.086.678
Tại ngày 31/12/2014	700.793.837	700.793.837

11 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác (Công ty CP Đầu Tư Sức Khỏe Việt) (*)	1.350.000.000	1.350.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(335.656.644)	-
	1.014.343.356	1.350.000.000

(*) Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Sức khỏe Việt được thực hiện với tư cách cổ đông sáng lập. Theo điều lệ và giấy đăng ký kinh doanh, số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Sức Khỏe Việt là 30.000.000.000 VND, trong đó vốn góp cam kết của Công ty là 4.500.000.000 đồng (tương đương 450.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần). Tại ngày 31/12/2014, Công ty đã góp 1.350.000.000 đồng (tương đương 135.000 cổ phần). Số dự phòng được trích lập theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

12 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.061.385.014	1.061.385.014
Tiền lãi phân bổ trong năm	558.984.203	464.496.592
Số dư cuối năm	1.740.369.217	1.645.881.606

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	162.837.231	82.837.231
Thuế Thu nhập cá nhân	621.236.378	190.040.394
Các loại thuế khác	179.012.119	179.012.119
	963.085.728	451.889.744

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	6.605.000	-
Phải trả nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	1.354.103.514	263.214.071
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	19.146.334.388	38.500.000.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông	31.300.000	31.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	84.403.104	152.569.167
	20.622.746.006	38.947.083.238

(*) Khoản nhận đặt cọc của Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực theo hợp đồng môi giới mua trái phiếu số 13/2013/HDMG/EVNFC-ANPHAT ngày 10/06/2013 và phụ lục hợp đồng ngày 30/11/2014. Theo hợp đồng, Công ty sẽ thay mặt cho Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực tìm mua 2.000.000 trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 03 năm, lãi suất tối thiểu 13%/năm, thời hạn phụ lục hợp đồng đến 30/06/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,

Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

1.5 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(36.726.276.586)	99.313.723.414
Lãi trong năm	-	-	-	4.780.009.384	4.780.009.384
Tại ngày 31/12/2013	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(31.946.267.202)	104.093.732.798
Lãi trong năm	-	-	-	7.912.879.017	7.912.879.017
Tại ngày 31/12/2014	135.289.000.000	306.000.000	445.000.000	(24.033.388.185)	112.006.611.815

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Trang - Hà Nội

Ông Nguyễn Hồ Hưng

Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực

Vốn góp của cổ đông khác

	31/12/2014	Tỷ lệ (%)	01/01/2014	Tỷ lệ (%)
	VND	(%)	VND	(%)
	30.000.000.000	22,17%	30.000.000.000	22,17%
	22.575.000.000	16,69%	12.575.000.000	9,29%
	-	0,00%	30.000.000.000	22,17%
	82.714.000.000	61,14%	62.714.000.000	46,37%
	135.289.000.000	100%	135.289.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.289.000.000	135.289.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	135.289.000.000	135.289.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	135.289.000.000	135.289.000.000
 d) Cổ phiếu	 31/12/2014	 01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.528.900	13.528.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.900	13.528.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.528.900	13.528.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	13.528.900	13.528.900
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000
 16 . DOANH THU	 Năm 2014	 Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	6.474.767.605	11.992.507.446
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.582.854.731	829.863.245
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	62.219.527	3.475.173.870
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	116.000.000
- Doanh thu hoạt động tư vấn	861.000.000	1.696.229.000
- Doanh thu khác	3.968.693.347	5.875.241.331
 Các khoản giảm trừ doanh thu	 -	 -
 Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	 <u>6.474.767.605</u>	 <u>11.992.507.446</u>
 17 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	 Năm 2014	 Năm 2013
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	366.623.333	1.565.224.967
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	91.128.000	6.959.360.889
Hoàn nhập dự phòng	(13.721.095.456)	(7.496.170.162)
Chi phí khác	3.577.983.372	1.386.636.977
Chi phí trực tiếp chung	1.058.302.991	2.017.250.937
	<u>(8.627.057.760)</u>	<u>4.432.303.608</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁT

Tầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.482.244.511	2.138.824.130
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	4.230.000	50.653.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.243.711.943	1.420.771.731
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.710.896.996	(1.977.298.254)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.171.678.149	995.701.376
Chi phí khác bằng tiền	573.184.749	141.705.774
	7.188.946.348	2.773.358.666

19 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.912.879.017	4.780.009.384
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(32.741.164.575)	(37.490.148.259)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(31.025.700)	(86.141.820)
- <i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	(2.715.464)	(37.404.006.439)
Tổng thu nhập tính thuế	(24.828.285.558)	(32.710.138.875)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	(1.251.270.075)	(1.251.270.075)

20 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.912.879.017	4.780.009.384
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7.912.879.017	4.780.009.384
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	13.528.900	13.528.900
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	585	353

21 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.742.254.322	-	68.820.042.237	-
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	50.137.763.087	(2.110.896.996)	44.201.125.394	(400.000.000)
Đầu tư ngắn hạn	27.050.572.000	(691.888.100)	27.203.379.373	(14.748.640.200)
Đầu tư dài hạn	1.350.000.000	(335.656.644)	1.350.000.000	-
	120.280.589.409	(3.138.441.740)	141.574.547.004	(15.148.640.200)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	5.798.605.752
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	21.622.746.006	38.947.083.238
	21.622.746.006	44.745.688.990

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	41.742.254.322	-	-	41.742.254.322
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	48.026.866.091	-	-	48.026.866.091
Đầu tư ngắn hạn	26.358.683.900	-	-	26.358.683.900
Đầu tư dài hạn	-	1.014.343.356	-	1.014.343.356
	116.127.804.313	1.014.343.356	-	117.142.147.669
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.820.042.237	-	-	68.820.042.237
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác	43.801.125.394	-	-	43.801.125.394
Đầu tư ngắn hạn	12.454.739.173	-	-	12.454.739.173
Đầu tư dài hạn	-	1.350.000.000	-	1.350.000.000
	125.075.906.804	1.350.000.000	-	126.425.906.804

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	21.622.746.006	-	-	21.622.746.006
	<u>21.622.746.006</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>21.622.746.006</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	5.798.605.752	-	-	5.798.605.752
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác	38.947.083.238	-	-	38.947.083.238
	<u>44.745.688.990</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>44.745.688.990</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN PHÁTTầng 5, Tòa nhà Grand Building,
Số 32 Hòa Mã, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**23 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	Hoạt động kinh doanh nguồn vốn và hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	1.582.854.731	62.219.527	4.829.693.347	6.474.767.605	-	6.474.767.605
Chi phí bộ phận trực tiếp	366.623.333	(13.629.967.456)	4.636.286.363	(8.627.057.760)	-	(8.627.057.760)
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	1.216.231.398	13.692.186.983	193.406.984	15.101.825.365	-	15.101.825.365
Tài sản bộ phận trực tiếp	1.354.103.514	27.373.027.256	48.026.866.091	76.753.996.861	-	76.753.996.861
Tài sản không phân bổ	-	-	-	58.590.146.688	-	58.590.146.688
Tổng tài sản	1.354.103.514	27.373.027.256	48.026.866.091	135.344.143.549	-	135.344.143.549
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	22.000.437.902	-	-	22.000.437.902	-	22.000.437.902
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.337.093.832	-	1.337.093.832
Tổng nợ phải trả	22.000.437.902	-	-	23.337.531.734	-	23.337.531.734

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	436.848.000	421.248.000

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Thanh Nghị
Người lập



Nguyễn Thanh Nghị
Kế toán trưởng



Trần Thiên Hà
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2015

